

NGHIÊN CỨU NHẬN THỨC VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CỘNG ĐỒNG BẢN ĐỊA ĐẾN LOÀI VOỌC CHÀ VÁ CHÂN XÁM (*Pygathrix cinerea*) Ở VƯỜN QUỐC GIA KON KA KINH, TỈNH GIA LAI

Hoàng Văn Chương¹, Hà Thăng Long¹, Trần Thị Kim Ly², Nguyễn Thị Kim Yến¹
¹Hội Động vật học Frankfurt tại Việt Nam,
²Trung tâm Bảo tồn đa dạng sinh học Nước Việt Xanh (GreenViet)

Từ khóa: Cộng đồng bản địa, nhận thức cộng đồng, tác động, Voọc Chà vá chân xám, VQG Kon Ka Kinh

Keywords: Awareness, Grey - shanked Douc Langur, impact, Kon Ka Kinh National Park, local community

TÓM TẮT

Voọc chà vá chân xám (*Pygathrix cinerea*) được ghi nhận phân bố tại vườn quốc gia Kon Ka Kinh, là loài linh trưởng nằm trong bậc xếp loại cực kỳ nguy cấp trong danh lục đỏ thế giới. Trong nghiên cứu này đã điều tra, đánh giá nhận thức của cộng đồng người Ba Na về loài Voọc Chà vá chân xám (CVCX), cùng tác động của cộng đồng đến loài linh trưởng quý hiếm này. Kết quả điều tra cho thấy 63% số lượng người được hỏi biết đến sự tồn tại của loài Voọc CVCX, tuy nhiên có đến 59% cộng đồng không biết đây là loài được pháp luật bảo vệ, cũng như sự cần thiết bảo tồn loài. Tác động trực tiếp chính đến loài Voọc CVCX là săn bắt chủ yếu bằng súng tự chế, ngoài ra loài còn chịu tác động mất môi trường sống từ hoạt động khai thác gỗ, làm rẫy của cộng đồng địa phương. Các hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ cũng gián tiếp tác động đến nơi ở và tập tính của loài này. Cần tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về bảo tồn tài nguyên rừng (TNR) nói chung và loài Voọc CVCX nói riêng, đồng thời tăng cường quản lý, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào quản lý TNR của BQL VQG; Cải thiện sinh kế cộng đồng vùng đệm VQG Kon Ka Kinh.

Study on the indigenous community awareness and impact on grey-shanked douc langur (*Pygathrix cinerea*) in Kon Ka Kinh National Park, Gia Lai province

Grey - shanked Douc Langur (*Pygathrix cinerea*) was recognized distribution in Kon Ka Kinh National Park. This species is classified as Critically Endangered (CR) on the IUCN Red List. In this study, we investigated the Ba Na ethnic community knowledge, their attitude toward the Grey - shanked Douc Langur and the awareness about the law to protect this species. The results showed that 63% responders know about the existence of Grey - shanked douc in Kon Ka Kinh National Park, however 59% responders don't know about the conservation laws as well as the necessary to protect this species. The main directly impacts to species was hunting by homemade guns. Other impact was losing habitat by logging, burning forests for cultivation of local communities. The exploitation of NTFPs also indirectly affect habitat and behavior of this species. It is necessary to raise awareness of forest resources conservation (in general) and grey shanked douc langur conservation of local communities; strengthening management capacity and encouraging community participation in the forest resources management; improving livelihoods of community living in Kon Ka Kinh National Park buffer zone.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vườn quốc gia (VQG) Kon Ka Kinh có tính đa dạng sinh học cao gồm 1.022 loài thực vật, 556 loài động vật với nhiều loài đặc hữu quý hiếm. Tại đây ghi nhận có sự phân bố của loài Voọc CVCX (VCVCX). Loài VCVCX có tên khoa học là *Pygathrix cinerea* được xếp bậc E (Endangered) - loài nguy cấp nằm trong sách đỏ Việt Nam và được xếp loại bậc CR (Critically endangered) - loài cực kỳ nguy cấp nằm trong Danh lục Đỏ của thế giới (IUCN) (Hà Thăng Long, 2004). Đặc biệt, loài thú linh trưởng này còn được liệt vào danh sách “25 loài thú linh trưởng có nguy cơ bị tuyệt chủng cao nhất trên thế giới”. Khu vực phân bố của loài này trên lãnh thổ Việt Nam rất hẹp, gồm Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (từ tỉnh Quảng Nam đến tỉnh Gia Lai), ngoài ra không còn phân bố ở khu vực nào khác trên Thế giới. Tuy nhiên, do áp lực của việc săn bắn trái phép và hậu quả của việc khai thác tài nguyên rừng quá mức nên số lượng của loài suy giảm nghiêm trọng, chỉ còn khoảng 1000 cá thể (Lê Xuân Cảnh *et al.*, 2013; Nadler, T. *et al.*, 2010.)

Trong xu thế bảo tồn các loài quý hiếm nói chung và loài VCVCX nói riêng, cộng đồng địa phương có vai trò hết sức quan trọng (Tù Văn Khánh *et al.*, 2009). Tuy nhiên, hiện nay các nghiên cứu về nhận thức cũng như các tác động của người dân bản địa ở VQG Kon Ka Kinh đến loài VCVCX vẫn chưa được hoàn thiện. Việc nghiên cứu về nhận thức, kiến thức bản địa và mức độ tác động của cộng đồng tới loài VCVCX, làm cơ sở cho việc quản lý bảo tồn cũng như đề xuất những định hướng trong công tác tuyên truyền, giáo dục bảo tồn loài được tốt hơn. Trước thực trạng trên, chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu về “*Nghiên cứu nhận thức và tác động của cộng đồng bản địa đến loài Voọc chà và chân xám (Pygathrix cinerea) ở Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai*”.

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm phân tích mức độ tác động của cộng đồng bản địa ở VQG Kon Ka Kinh đến loài VCVCX và đề xuất định hướng công tác tuyên truyền, giáo dục cho cộng đồng bản địa về bảo tồn loài VCVCX nói riêng và bảo vệ rừng nói chung.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng

Đối tượng phỏng vấn gồm 183 người địa phương (3 người Kinh, 180 người Ba Na) được chọn ngẫu nhiên từ 9 làng (20 hộ mỗi làng) thuộc 3 xã trên 3 huyện Mang Yang, Kbang và Đăk Đoa thuộc vùng đệm của VQG Kon Ka Kinh. Cấu trúc giới tính đối tượng phỏng vấn gồm 135 nam và 48 nữ.

Làng: Dek Jieng, Hyer, Vai Viêng (xã Ayun, huyện Mang Yang); Làng: Kon Nát, Kon Bram, Kon Mha (xã Hà Đông, huyện Đăk Đoa); Làng: Gút, Tung, Tàng Lang (xã Kroong, huyện Kbang).

Thời gian thực hiện từ tháng 9/2014 đến 3/2015.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp kế thừa

Kế thừa các nghiên cứu trước đó về loài VCVCX ở VQG Kon Ka Kinh và các nghiên cứu về cộng đồng ở trong và ngoài nước.

2.2.2. Phương pháp điều tra phỏng vấn

Cuộc phỏng vấn được diễn ra tại mọi thời điểm trong ngày, từ 6h đến 19h. Thời gian thực hiện một cuộc phỏng vấn là 30 phút. Phiếu điều tra với các nội dung: (i) Sự có mặt và hiểu biết của cộng đồng về loài VCVCX và các loài linh trưởng khác; (ii) Các loại tác động và mức độ tác động của con người đến loài VCVCX; (iii) Thông tin sinh kế của người dân.

Sử dụng công cụ PRA (Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của cộng đồng) trong thu thập thông tin.

2.2.3. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

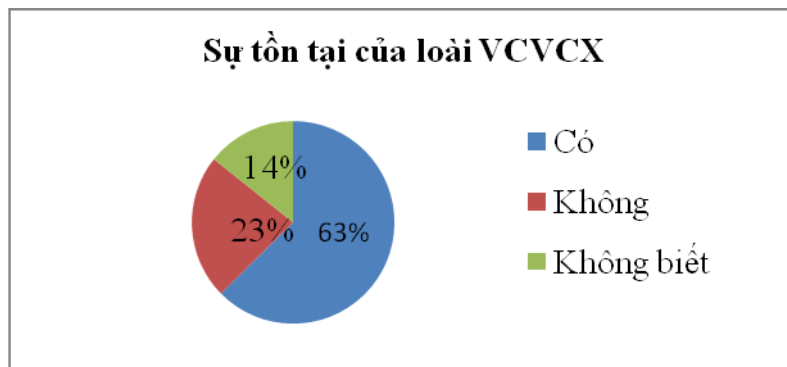
Các số liệu mức độ tác động và áp lực từ hoạt động săn bắt được nhập vào phần mềm Excel rồi chuyển qua bằng phần mềm SPSS 20 xử lý bằng các kiểm định phi tham số Mann Whitney, Kruskal Wallis, Chi bình phương với độ tin cậy là $\alpha = 0.05$.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Sự hiểu biết của cộng đồng về sự tồn tại, pháp luật bảo vệ loài VCVCX tại VQG Kon Ka Kinh

3.1.1. Sự tồn tại của loài VCVCX

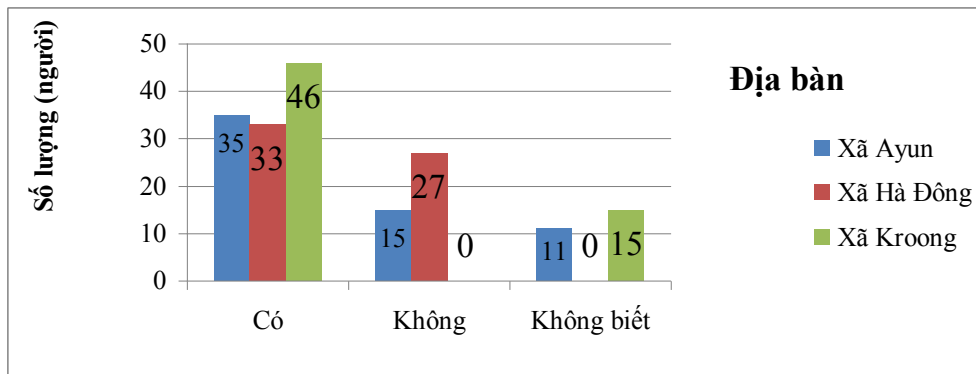
Trong tổng số 183 người được phỏng vấn thì có 115 người (chiếm 63%) biết loài VCVCX có mặt tại VQG Kon Ka Kinh, 42 người (chiếm 23%) cho rằng không có loài này ở VQG Kon Ka Kinh và 26 người (chiếm 14%) (Hình 1) không biết có sự tồn tại của loài này. Loài VCVCX được nhiều người dân biết qua nhiều nguồn thông tin như thấy trong rừng, săn bắt mang về địa phương, chương trình tuyên truyền của BQL VQG, ấn phẩm truyền thông poster về VCVCX treo ở các xã vùng đệm VQG của Hội đồng vật Frankfurt.



Hình 1. Nhận thức về sự tồn tại của loài VCVCX tại VQG Kon Ka Kinh

Có sự khác biệt có ý nghĩa về sự tồn tại của loài VCVCX theo yếu tố địa bàn ($P= 0,001$) và theo giới tính. Trong đó số lượng người ở xã Kroong trả lời có loài VCVCX cao nhất (46

người) chiếm 40,6%, điều này có thể là do người dân sống trong rừng thuộc vùng quản lí của VQG nên xác suất nhìn thấy loài VCVCX cao hơn 2 xã còn lại.

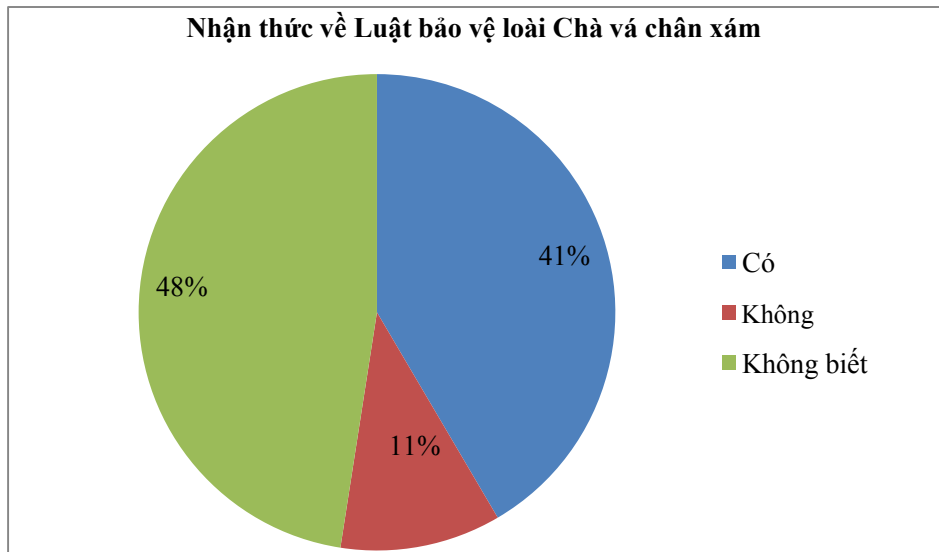


Hình 2. Mối liên hệ giữa yếu tố địa bàn với nhận thức về sự tồn tại của loài VCVCX

Nam giới là người thường xuyên đi rừng và đặt bẫy săn bắt động vật nên tỉ lệ thấy loài VCVCX cao, chiếm 73%. Nữ giới chủ yếu đi vào rừng để kiếm lâm sản phụ (lá nhung, cây mây, hái lan,...) và những loài sống ở mặt đất, nên không quan tâm đến loài động vật sống trên cây. Bên cạnh đó, nữ giới biết ít tiếng Kinh nên rất hạn chế giao tiếp với người Kinh.

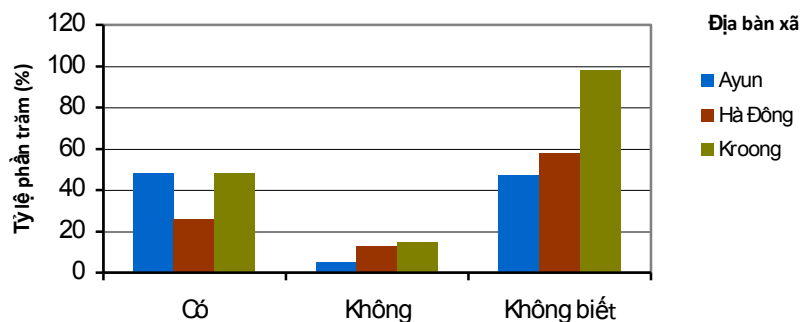
3.1.2. Quan điểm về bảo vệ loài VCVCX

Phần lớn người dân không biết loài VCVCX được pháp luật bảo vệ chiếm 47,5% số người được phỏng vấn, có sự khác nhau có ý nghĩa về nhận thức pháp luật bảo vệ loài theo yếu tố địa bàn (có P = 0,023). Điều này được thể hiện qua hình 3 và hình 4.



Hình 3. Hiểu biết về pháp luật bảo vệ loài VCVCX của cộng đồng

Kết quả điều tra nhận thức về pháp luật bảo vệ loài VCVCX phân theo địa bàn từng xã.



Hình 4. Hiểu biết pháp luật bảo vệ loài VCVCX tại các địa bàn

Xã Kroong là xã với tỉ lệ người biết có hoạt động săn bắt loài VCVCX cao. Đồng thời, tại đây số người cho rằng không có và không biết có luật bảo vệ loài VCVCX cao nhất so với 2 xã còn lại.

3.2. Tác động từ cộng đồng bản địa đến loài VCVCX

3.2.1. Tác động trực tiếp từ hoạt động săn bắt

Kết quả nghiên cứu cho thấy số người cho rằng có hoạt động săn bắt loài VCVCX ở

VQG Kon Ka Kinh chiếm tỉ lệ tương đối cao 35,5% (65 người). Trong tổng số 65 người biết có hoạt động săn bắt loài VCVCX, số người nhận định việc săn bắt loài VCVCX ở rừng

thuộc sự quản lí của VQG Kon Ka Kinh chiếm cao nhất 92% (60 người) và ở rừng thuộc sự quản lí của xã chiếm 8% (5 người).

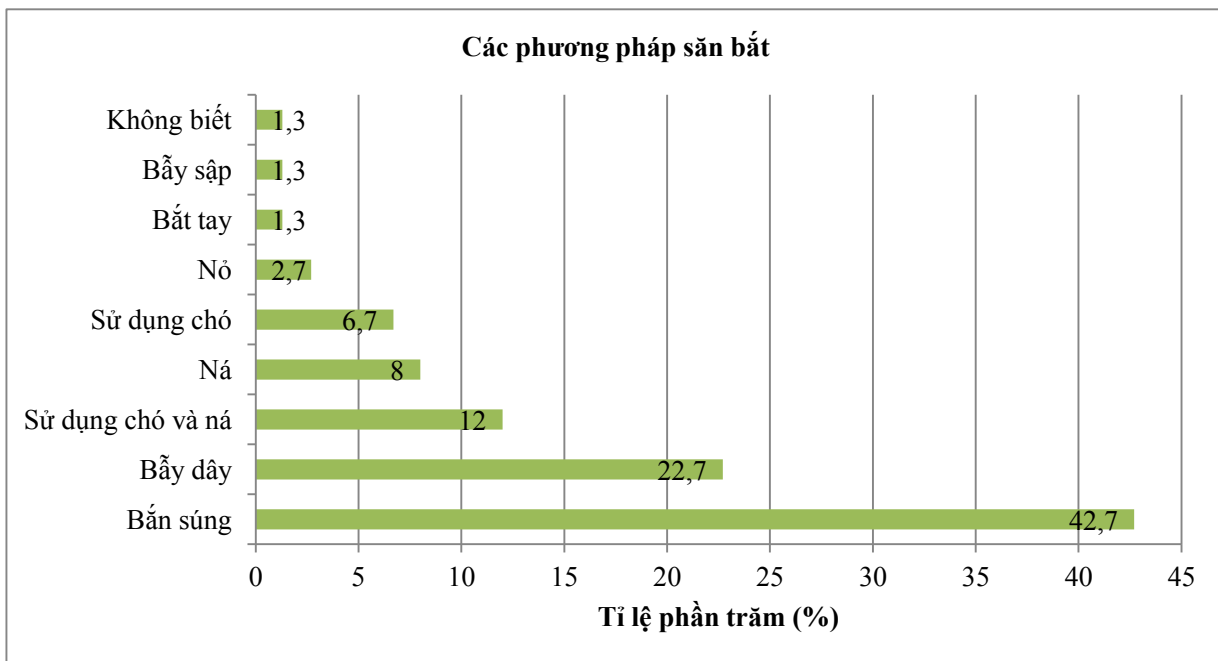
Bảng 1. Điều tra tồn tại hoạt động săn bắt loài VCVCX

Sự tồn tại hoạt động săn bắt loài VCVCX	Trả lời	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Có	65	35,5
Không	11	6
Không biết	107	58,5

Cách thức săn bắt

Người dân bản địa sử dụng rất nhiều phương pháp, dụng cụ để săn bắt loài VCVCX. Trong đó, phương pháp được người dân bản địa sử dụng nhiều nhất là dùng súng tự chế chiếm tỉ

lệ 42,7%, tiếp đến là bẫy dây chiếm tỉ lệ 22,7%. Phương pháp ít được sử dụng để săn bắt loài là bẫy sập, bắt bằng tay (đôi với con non, do bị rơi khỏi mẹ trong quá trình di chuyển) chiếm tỉ lệ ít (1,3%).



Hình 5. Các phương pháp săn bắt loài VCVCX

Trước thực trạng dùng súng săn bắn đe dọa nghiêm trọng đến sự tồn tại của loài VCVCX, Ban quản lý VQG kết hợp với kiểm lâm đã tịch thu súng sử dụng bất hợp pháp. Tuy nhiên người dân vẫn còn sử dụng súng chế để săn loài VCVCX, súng được

giấu lại trong rừng sau những chuyến đi săn, do đó BQL VQG rất khó kiểm soát được hoạt động này.

Voọc săn bắt chủ yếu được bán, làm thức ăn, làm thuốc hoặc làm đồ trang trí, nuôi cảnh.

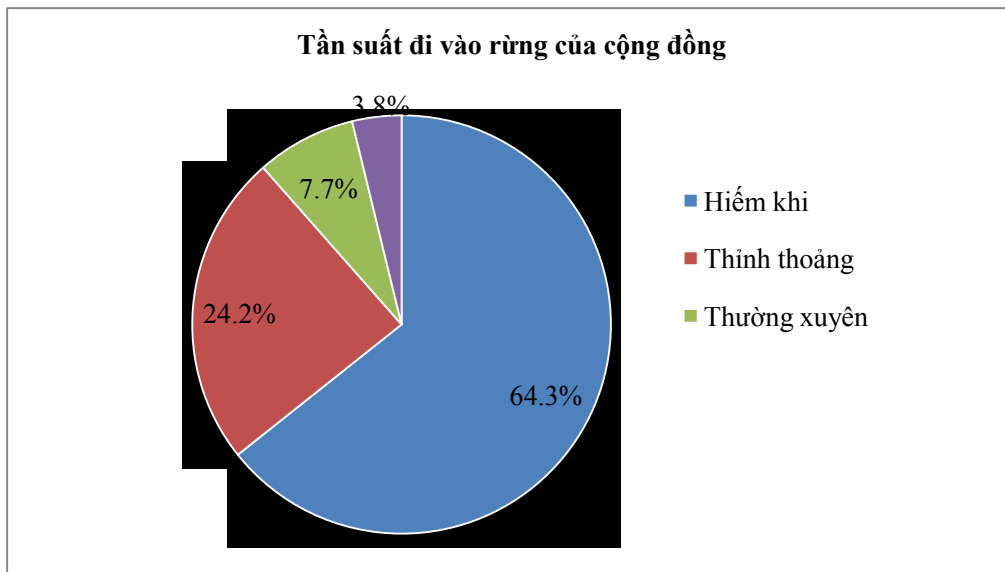
3.2.2. Tác động gián tiếp từ các hoạt động khác

3.2.2.1. Tần suất vào rừng khai thác tài nguyên của cộng đồng bản địa ở VQG Kon Ka Kinh

+ Tính thường xuyên đi vào rừng

Nghề chủ yếu của người dân bản địa chủ yếu là trồng mì, làm ruộng thường một năm có 1 đến 2 vụ, mỗi vụ kéo dài đến 4 hoặc 6

tháng và khoảng thời gian giữa 2 vụ gieo trồng, người dân thường vào rừng thu hái lâm sản phụ (hái lan, săn thú rừng, cây đốt, các loại nấm,...) hoặc đi theo mùa lâm sản phụ như mùa lá nhung (từ tháng 9 đến tháng 11), mật ong (từ tháng 3 đến tháng 5). Tần suất thường xuyên (1- 3 lần/tuần) và rất thường xuyên (>3 lần) vào rừng của cộng đồng là 11,5%.

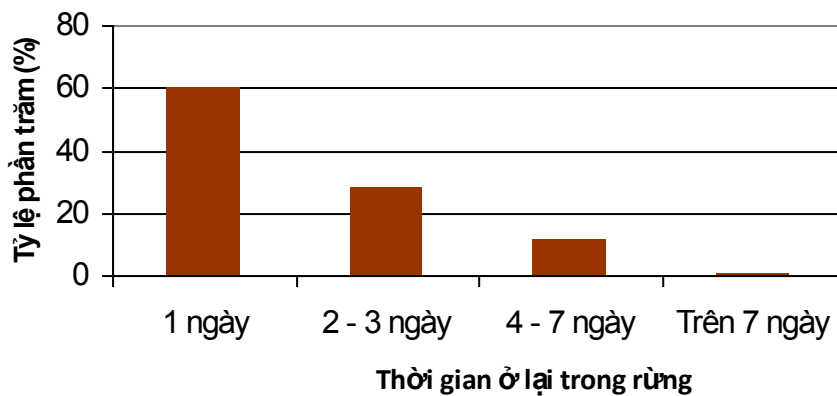


Hình 6. Tính thường xuyên của người dân đi vào rừng VQG Kon Ka Kinh

Thời gian ở lại trong rừng

Thời gian ở lại trong rừng chiếm tỉ lệ nhiều nhất là 1 ngày (60,1%). Đa số người dân vào rừng để kiếm lan, các loại nấm ... và các loại

khác theo mùa như mật ong, lá nhung, trái mây, cây đốt... nên chỉ đi trong ngày (sáng đi chiều về). Đôi khi đi xa thì đến 2-3 ngày mới về lại.

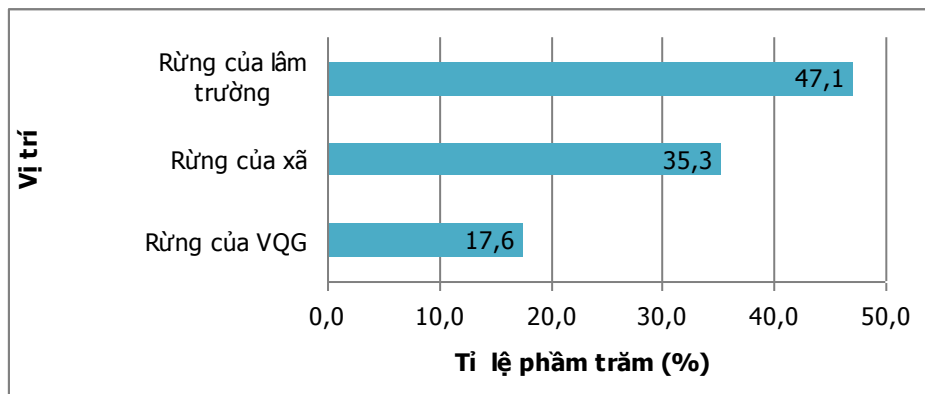


Hình 7. Thời gian ở lại trong rừng

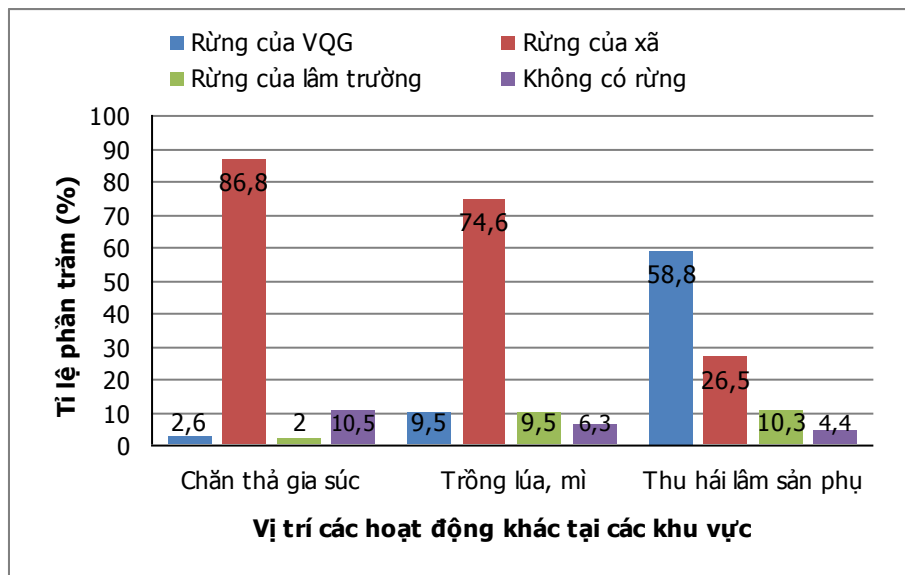
3.2.2.2. *Mối đe dọa từ việc mất nơi sống của loài VCVCX*

Mối đe dọa lớn nhất đến nơi sống của loài VCVCX ở VQG Kon Ka Kinh là hoạt động khai thác gỗ với mục đích làm nhà của người dân ($P = 0,001$). Tỷ lệ người khai thác gỗ để bán chiếm tỷ lệ cao (48 người trả lời, chiếm 37,4%), gỗ trặc được khai thác nhiều nhất.

Người dân thường lấy gỗ ở rừng thuộc quản lý của lâm trường (47,1%). Việc khai thác gỗ được quản lý chặt chẽ, kiểm soát thông qua các quy trình thủ tục. Bên cạnh đó, 17,6% số người trả lời vẫn còn hiện tượng lén lút khai thác gỗ ở rừng thuộc sự quản lý của BQL VQG.



Hình 8. Vị trí khai thác gỗ



Hình 9. Vị trí của các hoạt động khác của người dân địa phương

Hoạt động chăn thả gia súc và trồng lúa, trồng mì ở rừng của xã chiếm tỷ lệ cao. Hoạt động thu hái lâm sản chủ yếu diễn ra ở rừng của VQG với tỷ lệ 59%. Nhu cầu mở rộng diện tích để sản xuất lương thực và nuôi gia súc của

người dân tăng lên, có nguy cơ tác động đến diện tích rừng của VQG Kon Ka Kinh và nơi sinh sống của loài VCVCX.

3.2.2.3. Sinh kế của người dân địa phương và mối liên quan đến bảo tồn loài VCVCX

Bảng 3. Nghề nghiệp của người dân

Nghề nghiệp	Trả lời	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trồng sắn mì	114	43,3
Trồng lúa	26	9,9
Trồng cây bời lời	11	4,2
Trồng bắp	10	3,8
Trồng đậu	5	1,9
Làm rẫy	38	14,4
Thu hái lâm sản	25	9,5
Đi rừng	22	8,4
Kiểm lâm	2	0,8
Thợ săn	2	0,8
Khác	8	3,0

Nghề sinh sống chủ yếu của người dân là nghề trồng mì và làm rẫy chiếm tỉ lệ cao lần lượt là 43,3% và 14,4%. Việc mở rộng diện tích làm rẫy làm suy giảm diện tích rừng, làm mất nơi sống của loài VCVCX. Hoạt động thu hái lâm sản phụ (như lá nhung, trái mây, lan, các loại nấm,...) trong thời gian rảnh hoặc thời gian giữa 2 mùa vụ chiếm tỷ lệ 9,5%. Hoạt động này cũng gây ảnh hưởng gián tiếp trong khu vực sống của loài.

3.3. Đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức và làm giảm tác động của cộng đồng bản địa đến loài VCVCX.

Xuất phát từ những phân tích về hiện trạng nhận thức và tác động của cộng đồng bản địa đến loài VCVCX, chúng tôi đề xuất những nhóm giải pháp sau:

+ Nhóm giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương: 37% cộng đồng dân cư không biết đến sự tồn tại của loài VCVCX tại VQG Kon Ka Kinh, và 59% cộng đồng dân cư phỏng vấn cho rằng không biết và không có pháp luật bảo vệ loài

VCVCX; Do vậy rất cần tăng cường tuyên truyền và giáo dục bảo vệ loài VCVCX ở VQG Kon Ka Kinh, trong đó tập trung vào 2 xã Hà Đông, Kroong. Cung cấp các kiến thức về loài VCVCX cho cộng đồng về tình trạng loài, quy định pháp luật, môi đe dọa từ các hoạt động của con người tác động đến loài, giá trị và trách nhiệm bảo vệ loài và rừng.

+ Nhóm giải pháp quản lý: Tăng cường công tác quản lý rừng, đặt biệt là công tác tuần tra giám sát, tịch thu sử dụng súng trái phép, là mối nguy hại chính, trực tiếp tới loài VCVCX. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào công tác quản lý tài nguyên rừng của VQG.

+ Nhóm giải pháp nâng cao sinh kế cộng đồng, giảm các tác động tiêu cực đến tài nguyên rừng Kon Ka Kinh: Hỗ trợ chính sách vay vốn, nâng cao hiệu quả của các mô hình nông lâm kết hợp, phát triển sinh kế thay thế cho cộng đồng có đời sống hoàn toàn phụ thuộc vào tài nguyên rừng. Đồng thời đầu tư vào kỹ thuật hướng dẫn cộng đồng nâng cao

năng suất sản mỳ, lúa, bời lời... cải thiện đời sống cho cộng đồng.

IV. KẾT LUẬN

- Loài Voọc chà vá chân xám đã được người dân địa phương mô tả và khẳng định sự tồn tại ở VQG Kon Ka Kinh.

- Người dân bản địa ở độ tuổi từ 21-30 thường gặp loài VCVCX, chủ yếu là nam giới. Nam giới thường đi vào rừng để đặt bẫy săn bắt loài VCVCX còn nữ giới thường đi vào rừng thu hái lâm sản phụ. Thời gian người dân địa phương đi vào rừng từ 2 đến 3 giờ và thường ở lại trong rừng trong một ngày.

- Môi đe dọa lớn nhất trực tiếp tác động đến loài VCVCX là hoạt động săn bắt bằng phương pháp dùng súng.

- Khai thác gỗ để làm nhà là mối đe dọa lớn đến vùng sống của loài VCVCX. Bên cạnh đó, các hoạt động khác như thu hái lâm sản phụ, làm rẫy, chăn thả gia súc gián tiếp đe dọa đến loài VCVCX.

- Người dân nhận thức rằng loài VCVCX có giá trị. Tuy nhiên hơn nửa số người dân bản địa không biết về các quy định pháp luật bảo vệ loài và hình thức xử phạt vi phạm săn bắt loài.

- Cần tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về bảo tồn loài VCVCX và pháp luật có liên quan, nâng cao và cải thiện sinh kế cộng đồng đặc biệt là những hộ gia đình có đời sống hoàn toàn phụ thuộc vào TNR, đồng thời tăng cường quản lý và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào quản lý TNR của BQL VQG.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Xuân Cảnh, Đặng Huy Phương, Hoàng Vũ Trụ, 2013. Hiện trạng các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng cần ưu tiên bảo vệ tại vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, Gia Lai. Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5.
2. Từ Văn Khánh, Hồ Đắc Thái Hoàng, Nguyễn Mạnh Hà, 2009. Nghiên cứu quần thể Chà vá chân xám (*Pygathrix cinerea*) ở núi Hòn Mỏ, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Tạp chí kinh tế sinh thái. (31), tr.75-79.
3. Ha Thang Long, 2004. A field survey for the grey-shanked douc monkey (*Pygathrix cinerea*) in Vietnam. Report for BP Conservation programme.
4. Nadler, T., Rawson, B.M., V.N. Thinh, 2010. Status of Vietnamese primates - complement and revisions. Conservation of Primates in Indochina. Ha Noi. pp. 3-17.
5. Nghị định của chính phủ số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 về thi hành luật bảo vệ và phát triển rừng: <http://www.kiemlam.org.vn/Desktop.aspx/News/Danh-muc-dong-thuc-vat-thuc-vat-rung-nguy-cap-quy-hiem>
6. The IUCN red list of threatened species: <http://www.sciencedaily.com/releases/2007/07/070702161114.htm>, ngày 3/7/2014.

Lời cảm ơn

Chúng tôi gửi lời cảm ơn chân thành đến cộng đồng dân cư 3 xã: xã Ayun, xã Hà Đông, xã Kroong đã hợp tác, giúp đỡ chúng tôi thực hiện nghiên cứu. Nghiên cứu được tài trợ bởi Hội động vật học Frankfurt Việt Nam, Primate Conservation Inc (PCI) và International Primatological Society (IPS)

Người thẩm định: GS.TS. Nguyễn Thế Nhã